TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 13-5-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Minh;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Liêu Thị Bé U, sinh năm 1987; cư trú tại: Ấp PH, xã PC, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, "có mặt".

- *Bị đơn*: Anh Dư Tấn Đ, sinh năm 1991; cư trú tại: Ấp PD, xã PC, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 8 năm 2018 và bản tự khai, biên bản ghi lời khai - nguyên đơn chị Liêu Thị Bé U trình bày:

Chị và anh Dư Tấn Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008, không có tổ chức lễ cưới, nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PC. Sau khi cưới, chị về làm dâu bên chồng tại ấp PD, xã PC, huyện TB, tỉnh Tây

Ninh. Trong thời gian chung sống, anh Đ không lo làm ăn lại tụ tập bạn bè đi chơi thường xuyên và dẫn đến con đường phạm tội vào năm 2016.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Dư Gia N, sinh ngày 21-12-2009, hiện đang sống với chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Đ. Về con chung: Chị yêu cầu tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Dư Tấn Đ trình bày:

Anh xác nhận anh và chị U chung sống vào năm 2009, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn. Vợ chồng có 01 con chung; tài sản chung và nợ chung không có. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh có hành vi vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án tù từ năm 2016 đến nay.

Nay anh đồng ý ly hôn với chị U. Về con chung: Anh đồng ý giao cho chị U tiếp tục nuôi, không đồng ý cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Liêu Thị Bé U đối với anh Dư Tấn Đ, cho chị U được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Giao chị U tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị U không yêu cầu

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án Đ xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị U và anh Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PC vào năm 2012 nên Đ thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian sống chung, chị U và anh Đ phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh Đ không lo làm ăn lại còn đi vào con đường phạm tội. Nay chị U yêu cầu ly hôn thì anh Đ đồng ý. Do đó, xét tình trạng vợ chồng giữa chị U và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt Đ; căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị U.

[3] Về con chung: Chị U và anh Đ có 01 con chung tên Dư Gia N, sinh ngày 21-12-2009, hiện đang sống với chị U. Sau khi ly hôn, chị U yêu cầu tiếp tục nuôi con, anh Đ đồng ý giao con chung cho chị U tiếp tục nuôi. Do đó, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu của chị U, giao cháu N cho chị U tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ không cấp dưỡng nuôi con do chị U không yêu cầu.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Liêu Thị Bé U đối với anh Dư Tấn Đ.

Chị Liêu Thị Bé U được ly hôn anh Dư Tấn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Dư Gia N, sinh ngày 21-12-2009 cho chị U tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Đ không cấp dưỡng nuôi con chung do chị U không yêu cầu.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Liêu Thị Bé U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm

đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0016908 ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị U đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị U có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với anh Được vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H.Trảng Bàng;
- UBND xã PC;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm